Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8404.90.90

Mã HS	8404.90.90
Mô tả hàng hóa	Thiết bị phụ trợ dùng cho các loại nồi hơi thuộc nhóm 84.02 hoặc 84.03 (ví dụ, bộ tiết kiệm nhiên liệu, thiết bị quá nhiệt, máy cạo rửa nồi hơi, thiết bị thu hồi chất khí); thiết bị ngưng tụ dùng cho các tổ máy động lực hơi nước hoặc hơi khác / - Bộ phận: / - - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	05/11/2026 03:26:51
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84049090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K12857
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N12857
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q12857
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E12131
ATIGA	2022	2022	0	AT!E12074
ATIGA	2023	2023	0	AT!F12074
ATIGA	2024	2024	0	AT!G12074
ATIGA	2025	2025	0	AT!H12074
ATIGA	2026	2026	0	AT!I12074
ATIGA	2027	2027	0	AT!J12074
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E12126
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F12126

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G12126
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H12126
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I12126
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J12126
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E12127
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F12127
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G12127
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H12127
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I12127
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J12127
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F12130
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H12080
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F12086
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G12086
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H12086
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I12086
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J12086
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K12086
VKFTA	2022	2022	0	VK!E12119
VKFTA	2023	2023	0	VK!F12119
VKFTA	2024	2024	0	VK!G12119
VKFTA	2025	2025	0	VK!H12119
VKFTA	2026	2026	0	VK!I12119
VKFTA	2027	2027	0	VK!J12119
VCFTA	2022	2022	0	VC!D12164
VCFTA	2023	2023	0	VC!E12164

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F12164
VCFTA	2025	2025	0	VC!G12164
VCFTA	2026	2026	0	VC!H12164
VCFTA	2027	2027	0	VC!I12164
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D12149
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E12149
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F12149
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G12149
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H12149
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I12149
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D12149
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E12149
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F12149
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G12149
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H12149
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I12149
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D12166
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E12166
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F12166
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G12166
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H12166
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I12166
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D12165
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E12165
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F12165
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G12165

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H12165
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I12165
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D12112
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E12112
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F12112
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G12112
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H12112
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I12112
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J12112
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D12149
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E12149
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F12149
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G12149
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H12149
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I12149
RCEP B	2022	2022	0	B!D12149
RCEP B	2023	2023	0	B!E12149
RCEP B	2024	2024	0	B!F12149
RCEP B	2025	2025	0	B!G12149
RCEP B	2026	2026	0	B!H12149
RCEP B	2027	2027	0	B!I12149
RCEP C	2022	2022	0	C!D12149
RCEP C	2023	2023	0	C!E12149
RCEP C	2024	2024	0	C!F12149
RCEP C	2025	2025	0	C!G12149
RCEP C	2026	2026	0	C!H12149

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I12149
RCEP D	2022	2022	0	D!D12148
RCEP D	2023	2023	0	D!E12148
RCEP D	2024	2024	0	D!F12148
RCEP D	2025	2025	0	D!G12148
RCEP D	2026	2026	0	D!H12148
RCEP D	2027	2027	0	D!I12148
RCEP E	2022	2022	0	E!D12152
RCEP E	2023	2023	0	E!E12152
RCEP E	2024	2024	0	E!F12152
RCEP E	2025	2025	0	E!G12152
RCEP E	2026	2026	0	E!H12152
RCEP E	2027	2027	0	E!I12152
RCEP F	2022	2022	0	F!D12149
RCEP F	2023	2023	0	F!E12149
RCEP F	2024	2024	0	F!F12149
RCEP F	2025	2025	0	F!G12149
RCEP F	2026	2026	0	F!H12149
RCEP F	2027	2027	0	F!I12149
VIFTA	2024	2024	0	VI!F11233
VIFTA	2025	2025	0	VI!G11233
VIFTA	2026	2026	0	VI!H11233
VIFTA	2027	2027	0	VI!I11233

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8404.90 có 5 dòng thuế; dòng 8404.90.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	8404.90.11 Thân, vỏ hoặc vỏ bọc nồi hơi (SEN); 8404.90.19 Loại khác; 8404.90.21 Thân, vỏ hoặc vỏ bọc nồi hơi (SEN); 8404.90.29 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8404.90.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8404.90.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N12857), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.